

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ĐỒNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1114/QĐ-UBND

Đồng Sơn, ngày 24 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu vực 1 tái định cư phục vụ GPMB dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ĐỒNG SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 11/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định Bảng giá đất áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

12

12

Căn cứ Quyết định số 30/2026/QĐ-UBND ngày 12/3/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 23/2026/QĐ-UBND ngày 11/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 31/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Quy định mức bồi thường khi nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trên địa bàn tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc Ban hành Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình; Quyết định 12/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo quyết định số 33/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Quyết định số 1809/QĐ-UBND ngày 30/5/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu Khu vực phát triển đô thị phường Bắc Nghĩa, thành phố Đồng Hới, tỷ lệ 1:2000;

Căn cứ Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 08/8/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt dự án Khu vực 1 tái định cư phục vụ GPMB Dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 1803/QĐ-UBND ngày 03/10/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng văn bản quy phạm pháp luật do UBND tỉnh Quảng Bình và UBND tỉnh Quảng Trị (cũ) ban hành trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Công văn số 273/SNNMT-QLĐĐ ngày 14/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đề nghị cho chủ trương áp dụng lựa chọn quy định giá đất để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Công văn số 212/UBND-NNMT ngày 19/01/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc áp dụng xác định giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 532/UBND-NNMT ngày 09/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc triển khai công tác quản lý đất đai sau khi Chính phủ ban hành Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026;

Căn cứ Thông báo số 381/TB-UBND ngày 11/8/2025 của Chủ tịch UBND phường Đồng Sơn thu hồi đất để thực hiện dự án Khu vực 1 tái định cư phục vụ

GPMB dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Thông báo số 1858/TB-UBND ngày 31/12/2025 của Chủ tịch UBND phường Đồng Sơn về việc điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 381/TB-UBND ngày 11/8/2025 của Chủ tịch UBND phường Đồng Sơn về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu vực 1 tái định cư phục vụ GPMB dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị;

Căn cứ Thông báo số 1346/TB-UBND ngày 20/05/2026 của Chủ tịch UBND phường Đồng Sơn về việc điều chỉnh danh sách kèm theo Thông báo số 381/TB-UBND ngày 11/8/2025 của Chủ tịch UBND phường Đồng Sơn về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu vực 1 tái định cư phục vụ GPMB dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị;

Xét Tờ trình số 948/TTr-BQL ngày 11/6/2026 của Ban Quản lý dự án ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới về việc đề nghị thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do GPMB thực hiện dự án Khu vực 1 tái định cư phục vụ GPMB dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị và Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chi tiết kèm theo;

Xét Biên bản thẩm định Phương án xác định giá đất cụ thể để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Khu vực 1 tái định cư phục vụ GPMB dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị ngày 22/6/2026 của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể phường Đồng Sơn;

Xét Biên bản thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu vực 1 tái định cư phục vụ GPMB dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị ngày 22/6/2026 của liên ngành Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Đồng Sơn, Ban Quản lý dự án ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới và Chủ đầu tư dự án;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số: 665/TTr-KTHT&ĐT ngày 24/6/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu vực 1 tái định cư phục vụ GPMB dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị với các nội dung chính như sau:

I. Phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường.

- Giá đất cụ thể các thửa đất chuyên trồng lúa nước (LUC), vị trí 1: 56.000 đồng/m², đất nuôi trồng thủy sản (NTS), vị trí 1: 51.000 đồng/m².

(Chi tiết có phụ lục 01 kèm theo)

II. Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

1. Tổng diện tích đất thu hồi: 16.540,3 m².

le

mm

Thư

2. Tổng số người có đất thu hồi: 17 hộ gia đình, cá nhân.
3. Phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: Không.
4. Phương án bố trí tái định cư, bồi thường bằng đất: Không.
5. Phương án di dời mồ mả trong phạm vi đất thu hồi: Không.
6. Phương án di chuyển các công trình hạ tầng trong phạm vi đất thu hồi: Không.

7. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: 6.403.000.700 đồng (Sáu tỷ bốn trăm linh ba triệu bảy trăm đồng).

7.1. Tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất: 6.277.555.700 đồng (Sáu tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm đồng). Trong đó:

- Số tiền bồi thường về đất: 905.972.800 đồng
- Số tiền bồi thường về tài sản gắn liền với đất: 420.651.300 đồng
- Số tiền hỗ trợ: 4.950.931.600 đồng

Đối tượng được bồi thường, hỗ trợ: (Chi tiết có phụ lục 02 kèm theo)

7.2. Chi phí bảo đảm cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: 125.445.000 đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

(Chi tiết có phụ lục 03 kèm theo)

8. Tiến độ thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Thời gian thực hiện chi trả tiền: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Khu vực 1 tái định cư phục vụ GPMB dự án Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam, phường Đồng Sơn, tỉnh Quảng Trị.

- Thời gian bàn giao mặt bằng: Trong thời gian 20 ngày kể từ ngày chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ lần đầu.

9. Nguồn kinh phí thực hiện phương án: Từ nguồn vốn thực hiện dự án.

Điều 2. Ban Quản lý dự án ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới có trách nhiệm phối hợp với Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phổ biến và niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở UBND phường Đồng Sơn và địa điểm sinh hoạt khu dân cư nơi có đất bị thu hồi; gửi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và quyết định bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng; tổ chức thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ theo quy định tại Điều 94 Luật đất đai năm 2024 và Điều 25 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng Ban Quản lý dự án ĐTXD và Phát triển quỹ đất Đồng Hới; đối

tượng được bồi thường, hỗ trợ có tên tại Điều 1; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các đối tượng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Thao* *tl*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Thao
Đoàn Hồng Quân

PHỤ LỤC 01

GIÁ ĐẤT CỤ THỂ ĐỂ TÍNH TIỀN BỒI THƯỜNG KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU VỰC 1 TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT TỐC ĐỘ CAO TRÊN TRỤC BẮC - NAM, PHƯỜNG ĐỒNG SƠN, TỈNH QUẢNG TRỊ

(Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định số 1114/TTr-KTHT&ĐT ngày 24/6/2026 của Chủ tịch UBND phường Đồng Sơn)

STT	Thửa đất số	Tờ bản đồ địa chính số	Diện tích (m2)	Mục đích sử dụng	Khu vực/Đường	Vị trí	Giá đất cụ thể (đồng/m2)	Ghi chú
1	161	18	960,2	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
2	180-1	18	146,0	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
3	184	18	1.306,0	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
4	2-1	25	428,0	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
5	86-1	18	4.056,8	NTS	Đồng bằng	1	51.000	
6	86-2	18	629,4	NTS	Đồng bằng	1	51.000	
7	119-1	18	196,8	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
8	25-1	26	670,1	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
9	152-1	18	348,3	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
10	152-2	18	308,3	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
11	159	18	999,6	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
12	31	25	616,6	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
13	208-1	18	113,7	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
14	149-1	18	1.114,4	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
15	201-1	19	485,4	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
16	235-1	19	1.076,4	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
17	231-1	19	15,7	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
18	177-1	18	250,0	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
19	141	18	784,3	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
20	166-1	18	1.154,2	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
21	138-1	18	349,1	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
22	58	25	944,2	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
23	168-1	18	356,0	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
24	134-1	18	129,7	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
25	209-1	18	167,9	LUC	Đồng bằng	1	56.000	
Cộng: 25 thửa			17.607,1					

PHỤ LỤC 02
DANH SÁCH BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ
THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU VỰC 1 TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG
MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT TỐC ĐỘ CAO TRÊN TRỤC BẮC - NAM,
PHƯỜNG ĐỒNG SƠN, TỈNH QUẢNG TRỊ

(Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 24/6/2026 của Chủ tịch UBND phường Đồng Sơn)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Đối tượng được bồi thường, hỗ trợ	Bồi thường đất	Bồi thường tài sản trên đất	Các khoản hỗ trợ	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
1	Hộ: Nguyễn Thanh Hải - Trần Thị Hòa ĐDCC: 044069000165 Địa chỉ: TDP 3 Phú Vinh - phường Đồng Sơn Số điện thoại liên hệ: 0395409979	61.947.200	5.845.900	333.806.100	401.599.200	
2	Hộ: Hoàng Thị Khính ĐDCC: 044137000146 Địa chỉ: TDP 3 Phú Vinh - phường Đồng Sơn Số điện thoại liên hệ: 0369782778	97.137.600	9.166.800	547.018.100	653.332.500	
3	Hộ: Hoàng Thị Hòa ĐDCC: 044157001428 Địa chỉ: TDP 1 Phú Vinh - phường Đồng Sơn Số điện thoại liên hệ: 0911953065	11.020.800	1.040.000	68.105.600	80.166.400	
4	Hộ: Nguyễn Thị Thịnh - Nguyễn Văn Dũng ĐDCC: 044172002117 Địa chỉ: TDP 1 Phú Vinh - phường Đồng Sơn Số điện thoại liên hệ: 0826432378	37.525.600	3.687.400	209.437.400	250.650.400	
5	Hộ: Phan Cảnh Bảy ĐDCC: 044072003393 Địa chỉ: TDP 1 Phú Vinh - phường Đồng Sơn Số điện thoại liên hệ: 0944904309	19.504.800	1.840.700	112.174.600	133.520.100	

LS

Th

6	Hộ: Hoàng Thị Duyên - Phạm Xuân Phụng ĐDCC: 044066011430 Địa chỉ: TDP 3 Phú Vinh - phường Đồng Sơn Số điện thoại liên hệ: 0365655854	55.977.600	5.282.600	314.497.800	375.758.000	
7	Hộ: Hoàng Văn Mạch - Hoàng Thị Luật ĐDCC: 044061001265 Địa chỉ: TDP 3 Phú Vinh - phường Đồng Sơn Số điện thoại liên hệ: 0916311135	40.896.800	3.859.400	222.122.600	266.878.800	
8	Hộ: Đặng Thị Mai ĐDCC: 044143000248 Địa chỉ: TDP 4 Phú Vinh - phường Đồng Sơn Số điện thoại liên hệ: 0911378236	62.406.400	5.889.200	336.191.400	404.487.000	
9	Hộ: Đặng Văn Quốc - Phan Thị Vui ĐDCC: 044063002033 Địa chỉ: TDP 1 Phú Vinh - phường Đồng Sơn Số điện thoại liên hệ: 0974262862	27.182.400	2.565.200	152.054.900	181.802.500	
10	Hộ: Hoàng Thị Tý - Nguyễn Đạo ĐDCC: 044163005362 Địa chỉ: TDP 1 Phú Vinh - phường Đồng Sơn Số điện thoại liên hệ: 0844907244	60.278.400	5.688.400	333.583.300	399.550.100	
11	Hộ: Cao Thị Mai ĐDCC: 044164006184 Địa chỉ: TDP 1 Phú Vinh - phường Đồng Sơn Số điện thoại liên hệ: 0357347737	879.200	83.000	13.671.400	14.633.600	

12	Hộ: Nguyễn Xuân Hòa - Trần Thị Tơ ĐDCC: 0440730013320 Địa chỉ: TDP 3 Phú Vinh - phường Đồng Sơn Số điện thoại liên hệ: 0917829502	57.920.800	5.465.900	310.551.500	373.938.200	
13	Hộ: Hoàng Thị Thô ĐDCC: 044150002492 Địa chỉ: TDP 3 Phú Vinh - phường Đồng Sơn Số điện thoại liên hệ: 0914054642	64.635.200	6.099.600	353.618.600	424.353.400	
14	Hộ ông: Hoàng Minh Quý ĐDCC: 044087000730 Địa chỉ: TDP 1 Phú Vinh - phường Đồng Sơn Số điện thoại liên hệ: 0989283260	72.424.800	6.834.700	379.711.200	458.970.700	
15	Hộ ông: Hoàng Đình Đú - Lê Thị Xứ ĐDCC: 04405500510 Địa chỉ: TDP 3 Phú Vinh - phường Đồng Sơn Số điện thoại liên hệ: 0838489949	19.936.000	1.881.300	116.169.400	137.986.700	
16	Hộ: Hoàng Thị Lài (chết) - Đặng Long Dũng (con) ĐDCC: 044089002936 Địa chỉ: TDP 3 Phú Vinh - phường Đồng Sơn Số điện thoại liên hệ: 0813237298	9.402.400	887.300	50.594.500	60.884.200	
17	Hộ: Đặng Văn Cường - Lê Thị Lý ĐDCC: 044071000770 Địa chỉ: TDP 4 Phú Vinh - phường Đồng Sơn Số điện thoại liên hệ: 0947186903	206.896.800	354.533.900	1.097.623.200	1.659.053.900	
Tổng cộng		905.972.800	420.651.300	4.950.931.600	6.277.555.700	

Số tiền bằng chữ: Sáu tỷ hai trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm đồng /.





PHỤ LỤC 03

CHI PHÍ ĐẢM BẢO CHO VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VÀ TÁI ĐỊNH CƯ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN KHU VỰC 1 TÁI ĐỊNH CƯ PHỤC VỤ GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG DỰ ÁN ĐƯỜNG SẮT TỐC ĐỘ CAO TRÊN TRỤC BẮC - NAM, PHƯỜNG ĐỒNG SƠN, TỈNH QUẢNG TRỊ

(Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định số: 1114/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND phường Đồng Sơn)

DVT: Đồng

T T	Danh mục công việc	Đơn vị tính	Số người tham gia	Ngày công tham gia	Đơn giá ngày công	Thành tiền	Ghi chú
1	Điều chỉnh Thông báo thu hồi đất: Rà soát hồ sơ, lập danh sách đối tượng thu hồi đất; Soạn thảo thông báo thu hồi đất trình phê duyệt; Phát hành thông báo (Gửi trực tiếp đến từng hộ dân/tổ chức; Niêm yết tại UBND phường, tổ dân phố)					4.653.000	
1.1	<i>Tháng 11/2025 (Điều chỉnh thông báo thu hồi đất: Rà soát hồ sơ, photo hồ sơ gửi Phòng, lập danh sách đối tượng thu hồi đất; Soạn thảo thông báo điều chỉnh thu hồi đất trình phê duyệt)</i>					3.605.000	
-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(4,8+(3,99*3)+3,33+2,67+(2,34*2))/8 = 3,43$)	Người/ ngày	8	1	364.827	2.919.000	
-	BHXX, BHYT, BHTN, KPCĐ: $(3,43*23,5\%) = 0,806$	Người/ ngày	8	1	85.734	686.000	
1.2	<i>Tháng 12/2025 (Niêm yết thông báo tại UBND phường, Nhà văn hóa tổ dân phố 1,3,4 Phú Vinh)</i>					524.000	

-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(3,99 \times 2)/2 = 3,99$)	Người/ ngày	2	0,5	424.391	424.000	
-	BHXXH, BHYT,BHTN, KPCĐ: $(3,99 \times 23,5\%) = 0,937$	Người/ ngày	2	0,5	99.732	100.000	
1.3	Tháng 01/2026 (Gửi thông báo, tổng hợp danh sách giao nhận)					524.000	
-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(3,99 \times 2)/2 = 3,99$)	Người/ ngày	2	0,5	424.391	424.000	
-	BHXXH, BHYT,BHTN, KPCĐ: $(3,99 \times 23,5\%) = 0,937$	Người/ ngày	2	0,5	99.732	100.000	
2	Tổ chức điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm khối lượng đất đai, tài sản tại thực địa, tổng hợp số liệu tại cơ quan					12.036.000	
2.1	Tháng 01/2026 (gửi giấy mời)					524.000	
-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(3,99 \times 2)/2 = 3,99$)	Người/ ngày	2	0,5	424.391	424.000	
-	BHXXH, BHYT,BHTN, KPCĐ: $(3,99 \times 23,5\%) = 0,937$	Người/ ngày	2	0,5	99.732	100.000	

2.2	Tháng 01/2026 (Khảo sát thực địa chi tiết từng thửa đất; Xác định diện tích thực tế thu hồi; Kiểm đếm đất, tài sản trên đất)					11.512.000	
-	Chi phí giải khát (Ban 8 người, UBND phường Đồng Sơn 01 người, các hộ dân bị ảnh hưởng : 17 người)	Người/ ngày	10	2,5	100.000	2.500.000	Khoản 7 Điều 01 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025
-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(4,8+(3,99*3)+3,33+2,67+(2,34*2))/8 = 3,43$)	Người/ ngày	8	2,5	364.827	7.297.000	
-	BHXH, BHYT,BHTN, KPCĐ: $(3,43*23,5\%)=0,806$	Người/ ngày	8	2,5	85.734	1.715.000	
3	Lấy ý kiến về phương án đào tạo, chuyển đổi nghề: Rà soát hồ sơ các hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất nông nghiệp; Tổng hợp thông tin (Số lao động trong độ tuổi, nhu cầu làm việc, ngành nghề dự kiến chuyển đổi; Nghiên cứu quy định hiện hành về chính sách hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; Dự thảo phương án đào tạo, chuyển đổi nghề (hình thức hỗ trợ, mức hỗ trợ dự kiến, đơn vị đào tạo...); Soạn thảo tài liệu lấy ý kiến (phiếu khảo sát nhu cầu đào tạo nghề); Lập danh sách các hộ, cá nhân tham gia lấy ý kiến; Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu phục vụ hội nghị.					3.605.000	




-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(4,8+(3,99*3)+3,33+2,67+(2,34*2))/8 = 3,43$)	Người/ ngày	8	1	364.827	2.919.000	
-	BHXH, BHYT,BHTN, KPCĐ: $(3,43*23,5\%)= 0,806$	Người/ ngày	8	1	85.734	686.000	
4	Xác định nguồn gốc đất và tài sản gắn liền với đất thu hồi; Xác nhận trực tiếp sản xuất nông nghiệp; Xác nhận thời điểm hình thành tài sản gồm: Phát tở khai và hướng dẫn kê khai; Kiểm tra, đối chiếu với kê khai; Thu thập hồ sơ địa chính (sổ mục kê, bản đồ địa chính, hồ sơ cấp GCN QSD đất); Xác minh thực tế sử dụng; Làm việc với UBND phường; Thu thập thông tin nhân khẩu và nghề nghiệp trong hộ; Tổng hợp và hoàn thiện hồ sơ.					33.143.000	
4.1	<i>Tháng 3/2026 xác nhận nguồn gốc đất với UBND phường: Thu thập, cung cấp hồ sơ, soạn thảo văn bản) Chi phí nội nghiệp: 1,5 ngày, phường xác nhận: 0,5 ngày</i>					4.185.000	
-	Chi phí giải khát (Ban 4 người, UBND phường Đồng Sơn 02 người)	Người/ ngày	6	0,5	100.000	300.000	Khoản 7 Điều 01 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025
-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(4,8+3,99+3,33+2,67+)/4 = 3,697$)	Người/ ngày	4	2	393.226	3.146.000	

-	BHXXH, BHYT,BHTN, KPCĐ: $(3,697*23,5\%)=0,86$	Người/ ngày	4	2	92.408	739.000	
4.2	Tháng 04/2026 (Xác nhận nhân khẩu - Làm việc với hộ gia đình, cá nhân: Chuẩn bị biểu mẫu; Thu thập hồ sơ liên quan (Thông tin cư trú, dữ liệu quản lý dân cư); Hướng dẫn kê khai (Giải thích mục đích xác nhận nhân khẩu, hướng dẫn kê khai đầy đủ))					7.215.000	
-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(4,8+(3,99*3)+3,33+2,67+(2,34*2))/8 = 3,43$	Người/ ngày	8	2	364.827	5.837.000	
-	BHXXH, BHYT,BHTN, KPCĐ: $(3,43*23,5\%)=0,806$	Người/ ngày	8	2	86.155	1.378.000	
4.3	Tháng 04/2026 (Xác nhận nhân khẩu nông nghiệp: Làm việc với các tổ dân phố để kiểm tra, đối chiếu thông tin)					5.412.000	
-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(4,8+(3,99*3)+3,33+2,67+(2,34*2))/8 = 3,43$	Người/ ngày	8	1,5	364.827	4.378.000	
-	BHXXH, BHYT,BHTN, KPCĐ: $(3,43*23,5\%)=0,806$	Người/ ngày	8	1,5	86.155	1.034.000	
4.4	Tháng 04/2026 (Xác nhận diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng - Làm việc với hộ gia đình bị ảnh hưởng: Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu (Lập danh sách các hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp bị thu hồi; Thu thập hồ sơ địa chính (Bản đồ địa chính, sổ mục kê, sổ địa chính, Giấy CNQSD đất); Chuẩn bị biểu mẫu: tờ khai.					7.215.000	




-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(4,8+(3,99*3)+3,33+2,67+(2,34*2))/8 = 3,43$)	Người/ ngày	8	2	364.827	5.837.000	
-	BHXX, BHYT,BHTN, KPCĐ: $(3,43*23,5\%)= 0,806$	Người/ ngày	8	2	86.155	1.378.000	
4.5	Tháng 04/2026 (Xác nhận diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; Làm việc với Hợp tác xã: Kiểm tra, đối chiếu hồ sơ - giữa diện tích kê khai của các hộ; hồ sơ địa chính; Giấy CNQSD đất); Xác định diện tích đủ điều kiện hỗ trợ; Soạn thảo văn bản gửi phường, làm việc với UBND phường để xác nhận.					4.158.000	
-	Chi phí giải khát (Ban 8 người, UBND phường Đồng Sơn 02 người, HTX 1 người)	Người/ ngày	11	0,5	100.000	550.000	Khoản 7 Điều 01 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025
-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(4,8+(3,99*3)+3,33+2,67+(2,34*2))/8 = 3,43$)	Người/ ngày	8	1	364.827	2.919.000	
-	BHXX, BHYT,BHTN, KPCĐ: $(3,43*23,5\%)= 0,806$	Người/ ngày	8	1	86.155	689.000	
4.6	Tháng 09/2025 (Xác nhận hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng nông nghiệp và có thu nhập từ sản xuất nông nghiệp với UBND phường: Chuẩn bị hồ sơ, tài liệu, phát tờ khai, hướng dẫn kê khai về diện tích đất đang trực tiếp sản xuất, thu nhập từ sản xuất nông nghiệp; Kiểm tra, xác minh thực tế: Có trực tiếp canh tác hay bỏ hoang) Chi phí nội nghiệp					850.000	

-	Chi phí giải khát của 17 hộ gia đình	Người/ ngày	17	0,5	100.000	850.000	Khoản 7 Điều 01 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025
4.7	Tháng 05/2026 (Xác nhận nhân khẩu nông nghiệp, diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng với UBND phường: Chuẩn bị hồ sơ, kiểm tra, rà soát xác nhận) Chi phí nội nghiệp					4.108.000	
-	Chi phí giải khát (Ban 8 người, UBND phường Đồng Sơn 02 người)	Người/ ngày	10	0,5	100.000	500.000	Khoản 7 Điều 01 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025
-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(4,8+(3,99*3)+3,33+2,67+(2,34*2))/8 = 3,43$)	Người/ ngày	8	1	364.827	2.919.000	
-	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ: $(3,43*23,5\%) = 0,806$	Người/ ngày	8	1	86.155	689.000	
5	Lập, thẩm định, phê duyệt, công khai PA bồi thường, hỗ trợ, tái định cư từ khâu tính toán, xác định mức bồi thường, hỗ trợ đến khâu phê duyệt phương án, thông báo công khai phương án, hỗ trợ tái định cư.					16.987.000	
5.1	Lập, công khai phương bồi thường, hỗ trợ: Tính toán giá trị bồi thường về đất, tài sản trên đất; Xác định các khoản hỗ trợ; Lập phương án chi tiết từng hộ. Chi phí nội nghiệp 3 ngày					10.824.000	

-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(4,8+(3,99*3)+3,33+2,67+(2,34*2))/8 = 3,43$)	Người/ ngày	8	3	364.827	8.756.000	
-	BHXXH, BHYT,BHTN, KPCĐ: (3,43*23,5%)= 0,806	Người/ ngày	8	3	86.155	2.068.000	
5.2	Gửi PA công khai, lấy ý kiến về PA đã công khai, tổng hợp ý kiến					6.163.000	
5.2.1	Tháng 5/2026 (gửi công khai, lấy ý kiến về phương án)	Người/ ngày				1.048.000	
-	Lương cán bộ Ban thực hiện: hệ số lương $(3,99*2)/2=3,99$	Người/ ngày	2	1	424.391	849.000	
-	BHXXH, BHYT,BHTN, KPCĐ: (3,99*23,5%)= 0,937	Người/ ngày	2	1	99.732	199.000	
5.2.2	Tổng hợp ý kiến, kiểm tra, rà soát nội dung kiến nghị của dân					5.115.000	
-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(4,8+3,99+3,33+2,67+(2,34*2))/6 = 3,245$)	Người/ ngày	6	2	345.150	4.142.000	
-	BHXXH, BHYT,BHTN, KPCĐ: (3,45*23,5%)= 0,810	Người/ ngày	6	2	81.110	973.000	

6	Hợp kết thúc công khai phương án bồi thường, hỗ trợ và thông qua chủ trương thu hồi đất trước thời hạn					10.900.000	
6.1	Gửi giấy mời họp					524.000	
-	Lương cán bộ Ban thực hiện: (3,99*2)/2=3,99	Người/ ngày	2	0,5	424.391	424.000	
-	BHXXH, BHYT, BHTN, KPCĐ: (3,99*23,5%)= 0,937	Người/ ngày	2	0,5	99.732	100.000	
6.2	Tháng 6/2026 (Hợp kết thúc công khai: 0,5 ngày)					4.313.000	
-	Chi phí hội nghị (hộ ảnh hưởng 16 người)	Người/ ngày	16	0,5	150.000	1.200.000	Khoản 7 Điều 01 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025
-	Chi phí giải khát (Ban 8 người, UBND phường 02 người, hộ ảnh hưởng 16 người)	Người/ ngày	26	0,5	100.000	1.300.000	Khoản 7 Điều 01 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025
-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: (4,95+(3,99*3)+3,33+2,67+(2,34*2))/8 = 3,45	Người/ ngày	8	0,5	366.955	1.468.000	
-	BHXXH, BHYT, BHTN, KPCĐ: (3,45*23,5%)= 0,810	Người/ ngày	8	0,5	86.234	345.000	




6.3	<i>Tháng 6/2026 (Chi phí nội nghiệp - kiểm tra lại tài sản của hộ Cường Lý: 1 ngày, họp kết thúc công khai: 0,5 ngày)</i>					6.063.000	
-	Chi phí hội nghị (hộ ảnh hưởng 01 người)	<i>Người/ ngày</i>	1	0,5	150.000	75.000	<i>Khoản 7 Điều 01 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025</i>
-	Chi phí giải khát (Ban 8 người, UBND phường 02 người, người hộ ảnh hưởng 1 người)	<i>Người/ ngày</i>	11	0,5	100.000	550.000	<i>Khoản 7 Điều 01 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025</i>
-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(4,95+(3,99*3)+3,33+2,67+(2,34*2))/8 = 3,45$)	<i>Người/ ngày</i>	8	1,5	366.955	4.403.000	
-	BHXXH, BHYT,BHTN, KPCĐ: $(3,45*23,5\%)= 0,810$	<i>Người/ ngày</i>	8	1,5	86.234	1.035.000	
7	Trình thẩm định phương án						
7.1	<i>Hoàn thiện PA, lập, kiểm tra, trình thẩm định PA: Chi phí nội nghiệp 2 ngày gồm hoàn thiện PA, lập dự toán chi phí, photo hồ sơ...</i>					9.466.000	

-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(4,95+(3,99*3)+3,33+2,67+(2,34*2))/8 = 3,45$)	Người/ ngày	8	2	366.955	5.871.000	
-	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ: $(3,45*23,5\%)=0,810$	Người/ ngày	8	2	86.234	1.380.000	
7.2	Thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư do Phòng Tài nguyên - Môi trường chủ trì thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 3 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ					1.200.000	
+	Chi phí cho cán bộ thẩm định	Người/ buổi	8	1	100.000	800.000	Khoản 7 Điều 01 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025
+	Chi phí giải khát	Người/ buổi	8	1	50.000	400.000	Khoản 3 Điều 12 Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017
-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(4,8+4,32+3,99+2,34)/4 = 3,862$)	Người/ ngày	4	0,5	410.776	822.000	
-	BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ: $(3,862*23,5\%)=0,907$	Người/ ngày	4	0,5	96.532	193.000	
8	Gửi Quyết định công khai, niêm yết Quyết định					1.572.000	




-	Lương cán bộ Ban thực hiện: (3,99*2)/2=3,99	Người/ ngày	2	1,5	424.391	1.273.000	
-	BHXH, BHYT,BHTN, KPCĐ: (3,99* 23,5%)= 0,937	Người/ ngày	2	1,5	99.663	299.000	
9	Chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, bàn giao mặt bằng					12.348.000	
9.1	Gửi giấy mời chi trả tiền (hệ số lương (3,99*2)/2=3,99	Người/ ngày				1.048.000	
-	Lương cán bộ Ban thực hiện (3,99*3)/2=3,99	Người/ ngày	2	1	424.391	849.000	
-	BHXH, BHYT,BHTN, KPCĐ: (3,99* 23,5%)= 0,937	Người/ ngày	2	1	99.663	199.000	
9.2	Tháng 7/2026 (Thực hiện chi trả tiền: Lập danh sách chi trả tiền, tổ chức chi trả; Bàn giao đất thực địa: xác định ranh giới, mốc giới các thửa đất đã hoàn thành GPMB, lập biên bản bàn giao) Trả tiền: 01 ngày					6.325.000	
-	Chi phí giải khát (Ban 8 người, UBND phường 02 người, hộ ảnh hưởng 17 người)	Người/ ngày	27	1	100.000	2.700.000	Khoản 7 Điều 01 Thông tư 12/2025/TT- BTC ngày 19/3/2025

-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(4,95+(3,99*3)+3,33+2,67+(2,34*2))/8 = 3,45$)	Người/ ngày	8	1	366.955	2.936.000	
-	BHXXH, BHYT,BHTN, KPCĐ: $(3,45*23,5\%)= 0,810$	Người/ ngày	8	1	86.155	689.000	
9.3	Bàn giao mặt bằng 1 ngày (Chi phí nội nghiệp: 0,5 ngày, bàn giao thực địa: 0,5 ngày)					4.975.000	
-	Chi phí giải khát (Ban 8 người, UBND phường 02 người, hộ ảnh hưởng 17 người)	Người/ ngày	27	0,5	100.000	1.350.000	Khoản 7 Điều 01 Thông tư 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025
-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(4,95+(3,99*3)+3,33+2,67+(2,34*2))/8 = 3,45$)	Người/ ngày	8	1	366.955	2.936.000	
-	BHXXH, BHYT,BHTN, KPCĐ: $(3,45*23,5\%)= 0,810$	Người/ ngày	8	1	86.155	689.000	
10	Tháng 7/2026 (Thực hiện thu hồi GCN, làm thủ tục hủy, chỉnh lý GCN và trả GCN cho các hộ gia đình - Thu thập CCCD các hộ, chuẩn bị các biểu mẫu hồ sơ, nhập trực tuyến trên hệ thống cho 15 hộ gia đình và đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực VI nộp hồ sơ trực tiếp)					4.718.000	
-	Lương cán bộ Ban QLDA (Hệ số lương: $(3,99*3)/3 = 3,99$)	Người/ ngày	3	3	424.391	3.820.000	
-	BHXXH, BHYT,BHTN, KPCĐ: $(3,99*23,5\%)= 0,937$	Người/ ngày	3	3	99.732	898.000	




12	Các khoản chi phí phục vụ cho công tác GPMB					6.725.000	
*	Chi phí vật tư văn phòng phẩm					2.725.000	
-	Giấy A4	Ram	5		70.000	350.000	
-	Bìa A4	Ram	2		70.000	140.000	
-	Bút bi	hộp	2		100.000	200.000	
-	Ghim tài liệu	Hộp	3		10.000	30.000	
-	Cấp đựng tài liệu	Cái	10		20.000	200.000	
-	Bấm ghi	Cái	3		45.000	135.000	
-	Kẹp tài liệu	Hộp	3		30.000	90.000	
-	Bút ghi nhớ	Cái	3		10.000	30.000	
-	Băng dán	Cuộn	2		70.000	140.000	
-	Bút xóa	Cái	3		20.000	60.000	

-	Thùng tôn	Cái	2		500.000	1.000.000	
-	Hộp mực máy in	Hộp	1		350.000	350.000	
*	In ấn, phoho tô bản đồ, tài liệu, hồ sơ phục vụ công tác GPMB: Photo hồ sơ trích đo, bản đồ thu hồi đất, thông báo thu hồi đất gửi các hộ dân, hồ sơ phục vụ công tác áp giá, lập PA, hồ sơ trình thẩm định...(17 hộ)					4.000.000	
I	CỘNG CHI PHÍ THỰC HIỆN					116.153.000	
II	THUẾ VAT					9.292.000	
	TỔNG CỘNG:					125.445.000	

Số tiền bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng./.